

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG  
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

# KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 01.2021



## TIN TỨC - SỰ KIỆN

- 01** Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030
- 02** Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030

## HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP

- 03** Kết quả thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020
- 04** Một số giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- 05** Tổng kết hoạt động hiệp hội Hoa Đà Lạt năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021
- 06** Công nghệ mới - Sản phẩm mới
- 07** Tin cảnh báo từ các nước thành viên WTO

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI

- 08** Hiệp định RCEP và cơ hội cho Việt Nam

## DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

- 09** Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ
- 10** Kết quả kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng năm 2020 và phương hướng triển khai năm 2021

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG  
TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

## KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ DOANH NGHIỆP LÂM ĐỒNG

Số 01.2021



## TRUNG TÂM ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ LÂM ĐỒNG

Địa chỉ: 35 Trần Hưng Đạo, Phường 10,  
thành phố Đà Lạt

Điện thoại: 0263 3833163

Fax: 0263 3833155

Email: [thongtinkhcnlamdong@gmail.com](mailto:thongtinkhcnlamdong@gmail.com)

Website: <http://skhcn.lamdong.gov.vn>



## KẾ HOẠCH TỔNG THỂ NÂNG CAO NĂNG SUẤT DỰA TRÊN NỀN TẢNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN 2021-2030

Ngày 11/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 36/QĐ-TTg ban hành *Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030*.

Theo đó, mục tiêu của Kế hoạch nhằm đưa năng suất trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực, thông qua việc ứng dụng các thành tựu mới của khoa học và công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp với xu thế của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Triển khai các nhiệm vụ khoa học và

công nghệ cấp quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp trong nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ để nâng cao năng suất; xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kế hoạch nâng cao năng suất lao động, năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phấn đấu đến năm 2030, góp phần đạt mục tiêu tăng năng suất lao động bình quân trên 7,5%/năm; đạt mục tiêu đóng góp của khoa học và công nghệ thông qua TFP khoảng 50% vào tăng trưởng kinh tế.

Từ 30-35 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành việc xây dựng và triển khai Kế hoạch nâng cao năng suất

dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; 5-7 tập đoàn, tổng công ty triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch năng suất.

Tối thiểu 500 doanh nghiệp nhỏ và vừa của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng và triển khai các dự án điểm về cải tiến năng suất, tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nâng cao năng suất.

Hình thành các câu lạc bộ cải tiến năng suất cho sinh viên tại ít nhất 20 trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, thực hành về năng suất với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động.

Theo Kế hoạch, các bộ, ngành, địa phương sẽ tiến hành hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, đào tạo và các tổ chức hỗ trợ hoạt động năng suất; đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quản lý, mô hình, công cụ nâng cao năng suất trong doanh nghiệp; đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, tuyên truyền về năng suất; tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế.

Trong đó, triển khai xây dựng các nhiệm vụ nghiên cứu, đánh giá các yếu tố tác động nâng cao năng suất; đề xuất các giải pháp nâng cao năng suất trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể của nền kinh tế; nghiên cứu các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất mới, tiên tiến để áp dụng cho các tổ chức, doanh

niệp tại Việt Nam; tập trung vào các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất dựa trên nền tảng số và đổi mới sáng tạo; triển khai các chương trình đánh giá năng lực quản trị, quản lý năng suất, quản lý chuyển đổi số và quản lý đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Kế hoạch cũng đặt ra yêu cầu xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về năng suất, chương trình hướng nghiệp tại một số trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của một số doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao cụ thể; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về năng suất trong khối sinh viên các trường đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hình thành, phát triển mạng lưới các tổ chức hỗ trợ hoạt động năng suất ở các bộ, ngành, địa phương, gắn kết với các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; tổ chức hoạt động hợp tác, kết nối giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cung cấp giải pháp công nghệ, công nghệ thông tin tham gia vào các dự án điểm về cải tiến năng suất trong các lĩnh vực cụ thể.

Gắn kết chặt chẽ nội dung về năng suất với các đề án, nhiệm vụ của các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia (Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Chương trình phát triển thị trường khoa học, công nghệ...), góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh khi đưa vào áp dụng tại doanh nghiệp.





## CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Ngày 27/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 130/QĐ-TTg ban hành *Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030* với mục tiêu nghiên cứu, làm chủ, phát triển công nghệ cao, ứng dụng hiệu quả công nghệ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, bảo vệ môi trường, sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ; hình thành, phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực này.

Mục tiêu cụ thể của Chương trình là phát triển và làm chủ 20 công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, ứng dụng có hiệu quả vào

hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao của doanh nghiệp.

Chương trình cũng đặt mục tiêu gia tăng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao đạt khoảng 60% tổng giá trị xuất khẩu trong công nghiệp chế biến chế tạo, tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới có giá trị gia tăng cao; xây dựng và phát triển khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; xây dựng và phát triển khoảng 200 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có sự hợp tác, liên kết sản

xuất theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên phạm vi cả nước.

Bên cạnh đó, đến năm 2025, số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 15%/năm; 100% các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm trực tiếp tham gia Chương trình hình thành các tổ chức nghiên cứu và phát triển; có từ 3-5 ngành sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm làm chủ hoặc tạo ra được công nghệ tiên tiến trong chuỗi giá trị để sản xuất ra các sản phẩm, có giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao trên thị trường.

Thúc đẩy tăng năng suất lao động trên cơ sở đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng công nghệ cao; các doanh nghiệp trực tiếp tham gia Chương trình có năng suất lao động cao hơn ít nhất 1,5 lần năng suất lao động khi chưa đổi mới công nghệ.

Khoảng 5.000 kỹ sư, kỹ thuật viên, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp được tập huấn, đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới ở 10 lĩnh vực chủ lực, trọng điểm thông qua hình thức tại chỗ và trực tuyến. Hình thành tại mỗi vùng kinh tế ít nhất một mô hình nghiên cứu ứng dụng chuyển giao công nghệ điển hình phù hợp với điều kiện đặc thù của địa bàn để triển khai nhân rộng. Đến năm 2030, số lượng doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ tăng trung bình 20%/năm.

Chương trình gồm 3 chương trình thành phần, đó là: Chương trình nghiên cứu, ứng dụng, phát triển công nghệ cao, phát triển sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì; Chương trình phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao do Bộ Công Thương chủ trì; Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Quyết định nêu rõ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình, trong đó tập trung hoàn thiện thể chế; hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ sử dụng kết quả nghiên cứu, thúc đẩy liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ; hỗ trợ và tạo điều kiện cho ứng dụng, sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghệ cao; nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, tác động của công nghệ cao.

UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc hỗ trợ các dự án tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về *cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*. Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trong triển khai Chương trình; tổng hợp tình hình hỗ trợ nguồn lực về công nghệ phục vụ phát triển khu/vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.



## KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

Thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng thế mạnh tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 theo các Quyết định của UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ đã chủ động triển khai các nội dung hỗ trợ, qua 5 năm thực hiện đã đạt được một số kết quả nhất định.

### **Kết quả thực hiện các chương trình**

**Dự án nâng cao năng suất, chất lượng** (theo Quyết định số 225/QĐ-UBND ngày 04/02/2016 của UBND tỉnh

*Lâm Đồng về việc phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020”)*

Sở Khoa học và Công nghệ đã ký hợp đồng hỗ trợ 107 dự án áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng của 72 doanh nghiệp. Sau khi hoàn thành, có 84 dự án/53 doanh nghiệp được nghiệm thu; 23 dự án/18 doanh nghiệp xin ngừng thực hiện do không đủ năng lực để hoàn thành.

Hỗ trợ 4 lượt doanh nghiệp tham dự và đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia,



quốc tế; 8 doanh nghiệp về tiêu chuẩn, hợp chuẩn, hợp quy; 1 doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm nếp quýt Đạ Tẻh (đơn vị đã được tập huấn về truy xuất, xây dựng hệ thống phần mềm, hướng dẫn áp dụng và chuyển giao tem truy xuất nguồn gốc).

**Kế hoạch phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh** (theo Quyết định số 2556/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương hiệu các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020)

**Công tác xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh**

Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tiến hành xây dựng và xác lập quyền các nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) đối với 28 nhãn hiệu; trong đó, 23 nhãn hiệu đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu gồm:

+ 15 nhãn hiệu chứng nhận: Cà phê Arabica Langbiang, Rau Đà Lạt, Hoa Đà Lạt, Cà phê Cầu Đất - Đà Lạt, Dứa Cayenne Đơn Dương, Mác mác Đơn Dương, Trà B'La, Cà phê Di Linh, Tơ lụa Bảo Lộc, Sầu riêng Đạ Huoai, Diệp hạ châu Cát Tiên, Gạo nếp quýt Đạ Tẻh, Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành, Dâu tây Đà Lạt, Hồng Đà Lạt.

+ 8 nhãn hiệu tập thể: Lúa - Gạo Cát Tiên, Rượu cần Langbiang, Chuối LaBa, Nấm Đơn Dương, Cá nước lạnh Đà

Lạt, Bánh tráng Lạc Lâm, Mây tre đan Madaguil, Cồng chiêng Langbiang.

+ 5 nhãn hiệu đã nộp đơn nhưng chưa được cấp văn bằng bảo hộ gồm 4 nhãn hiệu chứng nhận: Bơ Bảo Lâm, Cà phê Bảo Lâm, Củ năng Pro', Quýt D'Ran; 1 nhãn hiệu tập thể là Rượu Cát quế Bảo Lâm đã nộp đơn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ, hiện đang trong thời gian xem xét cấp giấy chứng nhận.

Năm 2020, hỗ trợ triển khai tạo lập nhãn hiệu chứng nhận Atiso Đà Lạt và Măng cụt Bảo Lộc.

**Công tác quản lý và phát triển nhãn hiệu đã được xác lập quyền**

- Đối với 15 nhãn hiệu chứng nhận:

+ UBND thành phố Đà Lạt đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Rau Đà Lạt” cho 119 tổ chức, cá nhân; nhãn hiệu “Hoa Đà Lạt” cho 262 tổ chức, cá nhân; nhãn hiệu “Hồng Đà Lạt” cho 6 tổ chức, cá nhân; nhãn hiệu “Dâu tây Đà Lạt” cho 10 tổ chức, cá nhân; nhãn hiệu “Cà phê Cầu Đất - Đà Lạt” cho 20 đơn vị, tổ chức, cá nhân; nhãn hiệu “Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành” cho 392 tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Đà Lạt và vùng phụ cận.

+ UBND huyện Lạc Dương đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Cà phê Arabica Langbiang” cho 2 đơn vị.

+ UBND huyện Đơn Dương đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Dứa Cayenne Đơn Dương” cho 1 đơn vị.

+ UBND huyện Di Linh đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Cà phê Di Linh” cho 2 đơn vị.



+ UBND thành phố Bảo Lộc đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Trà B’Lao” cho 32 đơn vị; nhãn hiệu “Tơ lụa Bảo Lộc” cho 14 đơn vị.

+ UBND huyện Đạ Huoai đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu “Sầu riêng Đạ Huoai” cho 397 hộ nông dân của các hợp tác xã, tổ hợp tác.

+ UBND huyện Đạ Tẻh đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Gạo nếp quýt Đạ Tẻh” cho 2 doanh nghiệp.

- Đối với 8 nhãn hiệu tập thể:

+ Nhãn hiệu tập thể “Cá nước lạnh Đà Lạt” do Hiệp hội phát triển cá nước lạnh Lâm Đồng quản lý, sử dụng cho sản phẩm cá tầm, cá hồi sản xuất tại Lâm Đồng. Hiệp hội hiện có 19 thành viên, trong đó có 12 doanh nghiệp đầu tư trực tiếp phát triển trang trại nuôi cá nước lạnh thương phẩm, nhập trứng, sản xuất và nhân giống cá tầm trên địa bàn tỉnh.

- Nhãn hiệu tập thể “Rượu cần Langbiang” do Tổ hợp tác sản xuất và kinh doanh Rượu cần Langbiang quản lý. Tổ gồm 12 hộ, tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, mới cấp cho 1 hộ dân sử dụng nhãn hiệu “Rượu cần Langbiang”.

- Nhãn hiệu tập thể “Cồng chiêng Langbiang” do Câu lạc bộ Cồng chiêng Langbiang quản lý, sử dụng. Câu lạc bộ gồm 11 thành viên; đến nay, chưa có thành viên nào lập hồ sơ để được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu.

- Nhãn hiệu tập thể “Nấm Đơn Dương” do Tổ hợp tác sản xuất Nấm Đơn Dương gồm 5 hộ dân; đến nay, chưa có hộ dân nào đề nghị được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể.

- Nhãn hiệu tập thể “Bánh tráng Lạc Lâm” do Tổ hợp tác sản xuất bánh tráng Lạc Lâm quản lý, sử dụng. Tổ gồm có 6 hộ dân; hiện các hộ dân chưa sử dụng nhãn hiệu đã được chứng nhận.

- Nhãn hiệu tập thể “Chuối LaBa” được giao cho Chi hội sản xuất và kinh doanh Chuối LaBa thuộc Hội làm vườn huyện Đức Trọng quản lý. Hiện nay, Chi Hội có khoảng 18 thành viên tham gia sử dụng nhãn hiệu này.

- Nhãn hiệu tập thể “Mây, tre đan Madaguil” được giao cho Tổ hợp tác sản xuất và kinh doanh mây, tre đan Madaguil quản lý; hiện tổ có 2-3 thành viên.

- Nhãn hiệu tập thể “Lúa - Gạo Cát Tiên”: UBND huyện Cát Tiên đã cấp quyền sử dụng nhãn hiệu cho 7 cơ sở.

### *Đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài*

Sở Khoa học và Công nghệ đã hỗ trợ UBND thành phố Đà Lạt đăng ký nhãn hiệu “Rau Đà Lạt” và đã được cấp văn bằng bảo hộ độc quyền tại thị trường Trung Quốc, Singapore; UBND thành phố Bảo Lộc đăng ký nhãn hiệu “Trà B’Lao” tại Trung Quốc, Nhật Bản và đã được bảo hộ độc quyền tại 2 thị trường này; UBND huyện Đạ Huoai đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Sầu riêng Đạ Huoai” bảo hộ độc quyền tại Trung Quốc.

***Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ*** (theo Quyết định số 2323/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 phê duyệt Chương trình hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020)

## *Hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho các tổ chức, cá nhân*

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo và hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia chợ công nghệ, thiết bị, sự kiện “kết nối cung - cầu công nghệ”. Qua đó, đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp trình diễn, giới thiệu các sản phẩm mới; kết nối cung - cầu công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước phục vụ nhu cầu ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ.

Hỗ trợ 5 địa phương (Đạ Huoai, Di Linh, Đạ Tẻh, Bảo Lộc, Đà Lạt) triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Sầu riêng Đạ Huoai”, “Cà phê Di Linh”, “Gạo nếp quýt Đạ Tẻh”, “Tơ lụa Bảo Lộc” và tạo lập nhãn hiệu “Atiso Đà Lạt”, “Măng cụt Bảo Lộc”; 1 địa phương đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài (“Sầu riêng Đạ Huoai” tại Trung Quốc).

Hỗ trợ trực tiếp cho 11 doanh nghiệp thực hiện đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc thù của địa phương thực hiện ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới và hoàn thiện công nghệ, phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ.

## *Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ*

Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho 5 đơn vị trên địa bàn tỉnh, gồm: Công ty Cổ phần đầu tư Sâm Ngọc Linh Việt Nam; Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật H.Q; Công ty TNHH MTV

Vắc xin Pasteur Đà Lạt; Công ty Cổ phần Dược Lâm Đồng; Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl. Các doanh nghiệp đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực, triển khai thực hiện các hoạt động nghiên cứu, sản xuất trên danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Nhìn chung, qua 5 năm triển khai thực hiện, các chương trình đã mang lại hiệu quả cao, nội dung hỗ trợ thiết thực, giúp nâng cao năng lực quản lý của doanh nghiệp; năng suất lao động được cải thiện; các nhãn hiệu, sản phẩm chủ lực của tỉnh như chè, cà phê, rau, hoa... được phát triển thành thương hiệu mạnh; năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp được tăng lên, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đạt được những kết quả trên là do có sự lãnh, chỉ đạo thường xuyên, tích cực của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương; sự chủ động triển khai các hoạt động của các sở, ngành, địa phương trong tỉnh; sự hưởng ứng, đồng hành, nỗ lực từ chính doanh nghiệp; sự tham gia ủng hộ từ người dân, cộng đồng xã hội.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong giai đoạn 2016-2020 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của tỉnh còn ít so với kế hoạch do một số sản phẩm của các địa phương có quy mô sản xuất nhỏ lẻ, hiệu quả kinh tế mang lại không cao.

- Chủ của các nhãn hiệu đã được cấp quyền bảo hộ độc quyền chưa quan tâm đúng mức đến công tác quản lý và phát triển các nhãn hiệu đã được bảo hộ; chưa có các biện pháp khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng; chưa quan tâm đến việc gắn nhãn hiệu lên sản phẩm.

- Tình trạng hàng nhái, hàng kém chất lượng, làm giả hàng Đà Lạt đã làm giảm lòng tin của người tiêu dùng; do đó, ảnh hưởng rất lớn đến công tác xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm của Lâm Đồng.

- Một số nội dung của Chương trình hỗ trợ về công nghệ chưa đạt được như: hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới hoàn thiện công nghệ, phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới, ươm tạo công nghệ thông qua việc triển khai thực hiện các dự án khoa học và công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp mua các bí quyết công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ thuộc các lĩnh vực, loại hình công nghệ ưu tiên đổi mới chưa thực hiện được. Trong quá trình triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ, một số đơn vị không chủ động nguồn vốn đối ứng triển khai dự án mà chỉ phụ thuộc vào vốn ngân sách nhà nước.

- Việc tham gia Dự án nâng cao năng suất, chất lượng chỉ tập trung vào một số ít doanh nghiệp. Đa số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, điều kiện cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn. Một số doanh nghiệp ngừng thực hiện dự án do doanh nghiệp

thay đổi định hướng kinh doanh hoặc khó khăn về vốn để sửa nhà xưởng theo yêu cầu của tiêu chuẩn; số lượng doanh nghiệp hỗ trợ chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở chưa cao.

- Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp tham gia dự án nâng cao năng suất, chất lượng, cải tiến công nghệ, phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới, tiết kiệm năng lượng... còn thấp, nên chưa khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp.

### **Một số định hướng trong giai đoạn 2021-2025**

#### **Về nâng cao năng suất, chất lượng cho doanh nghiệp**

Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã sản xuất sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

#### **Về phát triển thương hiệu**

Cần đẩy mạnh công tác quản lý và phát triển các nhãn hiệu đã được cấp quyền, có các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng của sản phẩm.

Tập trung nghiên cứu, ứng dụng công nghệ về giống mới đối với sản phẩm rau, hoa nhằm cung cấp số lượng lớn giống phục vụ sản xuất, giảm nhập khẩu giống; ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trừ sâu, bệnh hại trên cây trồng,



vật nuôi.

Tăng cường công tác liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm.

Thực hiện thường xuyên công tác lấy mẫu, kiểm tra, kiểm soát, giám sát chất lượng nông sản để đảm bảo nông sản đạt chất lượng.

Xây dựng, duy trì và phát triển trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán các sản phẩm mang nhãn hiệu tại địa phương trong nước.

Tăng cường công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm ra nước ngoài gắn với các chương trình hợp tác, làm việc của tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp gắn nhãn hiệu của tỉnh khảo sát thị trường, kết nối, tập huấn, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển sản phẩm...

### **Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp về khoa học và công nghệ**

Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; đổi mới và hoàn thiện công

nghệ; phát triển công nghệ sản xuất sản phẩm mới; ươm tạo công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ hoạt động truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm, hàng hóa.

Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy liên kết các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo địa phương với hệ sinh thái quốc gia, khu vực.

Hỗ trợ doanh nghiệp kết nối cung - cầu công nghệ, đặt hàng nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, thúc đẩy phát triển thị trường công nghệ.

Phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân; nâng cao hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các nội dung trong kế hoạch triển khai Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.



## MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

**TS. TRẦN QUỐC TUẤN**

*Cục Quản lý Chất lượng sản phẩm, hàng hóa*

Theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội, chất lượng sản phẩm, hàng hóa (CLSPHH) được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Quản lý CLSPHH là trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh nhằm bảo đảm an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa Việt Nam. Quản lý nhà nước về CLSPHH là trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhằm thực thi các quy định của pháp luật về CLSPHH. Hoạt động quản lý nhà nước

về CLSPHH phải bảo đảm minh bạch, khách quan, không phân biệt đối xử về xuất xứ hàng hóa và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến CLSPHH, phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng.

Kiểm tra nhà nước về CLSPHH là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý nhà nước về CLSPHH. Hoạt động kiểm tra CLSPHH nhằm bảo vệ lợi ích của nhà nước, người tiêu dùng và cộng đồng; thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu thương mại, hội nhập khu vực và quốc

tế. Luật CLSPHH quy định việc kiểm tra CLSPHH do cơ quan kiểm tra tiến hành.

Triển khai Luật CLSPHH, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tham mưu Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước về CLSPHH như:

- Nghị định số 132/ 2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật CLSPHH; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ KH&CN và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

- Nghị định số 54/2009/NĐ-CP ngày 05/6/2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và CLSPHH (nay là Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và CLSPHH); Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp kiểm tra CLSPHH.

Bộ KH&CN và các bộ, ngành liên quan đã ban hành nhiều Thông tư, quyết định liên quan đến quản lý CLSPHH:

- Thông tư số 01/2009/TT-BKHCN ngày 20/3/2009 quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN (nay là Quyết định số 3810/QĐ-BKHCN

ngày 18/12/2019 về việc công bố Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN).

- Các Thông tư ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

+ QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN về Xăng nhiên liệu điezen và nhiên liệu sinh học;

+ QCVN 8:2019/BKHCN về Khí dầu mỏ hóa lỏng;

+ QCVN 2:2008/BKHCN về Mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy;

+ QCVN 3:2019/BKHCN về An toàn đồ chơi trẻ em;

+ QCVN 4:2009/BKHCN và Sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN về An toàn thiết bị điện, điện tử;

+ QCVN 9:2012/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 9:2012/BKHCN về Tương thích điện từ;

+ QCVN 7:2019/BKHCN về Thép làm cốt bê tông;

+ QCVN 14:2018/BKHCN và Sửa đổi 1:2018 QCVN 14:2018/BKHCN về Dầu nhờn động cơ đốt trong;

+ QCVN 19:2019/BKHCN về Sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED.

Các Nghị định, Thông tư quy định về quản lý tổ chức đánh giá sự phù hợp:

- Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 hướng dẫn yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KH&CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và



phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Thông tư số 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 của Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN;

- Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Các Thông tư quy định về công tác kiểm tra nhà nước về CLSPHH trong sản xuất, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường:

- Thông tư số 16/2012/TT-BKHHCN ngày 27/8/2012 quy định về công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm trong sản xuất thuộc trách nhiệm của Bộ KH&CN;

- Thông tư số 27/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ KH&CN quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng

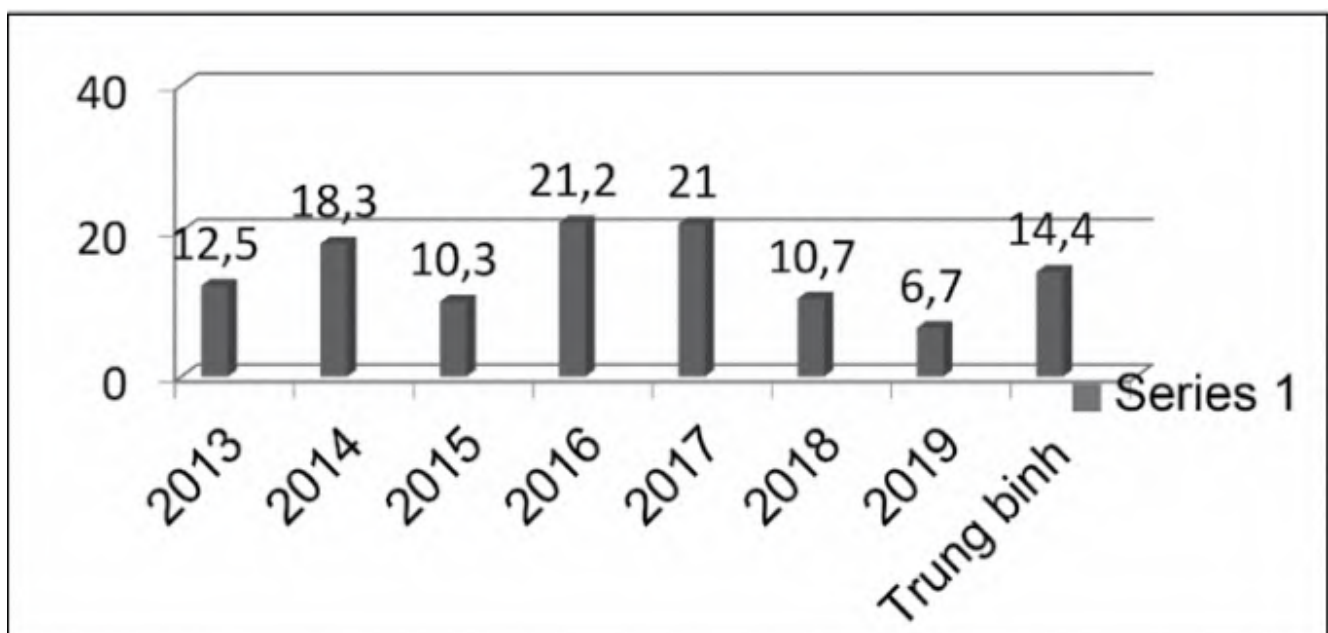
hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN;

- Thông tư số 07/2017/TT-BKHHCN ngày 16/6/2017 của Bộ KH&CN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2012/TT-BKHHCN;

- Thông tư số 16/2009/TT- BKHCN quy định công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường (nay là Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 quy định về công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường);

- Thông tư số 12/2017/TT-BKHHCN ngày 28/9/2017 của Bộ KH&CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN.

Các văn bản trên đây đã tạo thành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng cũng như công tác kiểm tra nhà nước về CLSPHH.



Năm	Số cơ sở kiểm tra	Số lô hàng được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
2013	2.229	12.151	279	12,5
2014	9.130	16.327	1.675	18,3
2015	7.616	24.963	789	10,4
2016	11.665	66.155	2.472	21,2
2017	11.482	62.858	2.406	21
2018	10.187	73.078	1.088	10,7
2019	67.434	80.000	1.018	6,7
<b>Tổng</b>	<b>37.434</b>	<b>338.532</b>	<b>9.727</b>	<b>14,4</b>

Tỷ lệ % cơ sở kiểm tra có vi phạm CLSPHH giai đoạn 2013-2019

## Đánh giá chung

Hàng năm, Bộ KH&CN tổng hợp kết quả kiểm tra CLSPHH từ các bộ, ngành, địa phương để báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Qua đó cho thấy, hoạt động quản lý, kiểm tra CLSPHH trong những năm qua đã đạt được kết quả tích cực, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng hàng hóa, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong cả nước. Các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện tốt chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, Ban Chỉ đạo liên ngành Trung ương về vệ sinh an toàn thực phẩm trong việc tổ chức kiểm tra chất lượng hàng hóa, chống hàng giả và gian lận thương mại, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Các bộ, ngành triển khai thực hiện cơ chế một cửa quốc gia trong kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đã góp phần thúc đẩy công tác cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày

15/5/2018 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Công tác quản lý, phối hợp kiểm tra CLSPHH giữa các bộ, ngành được triển khai tốt, bài bản hơn. Qua công tác kiểm tra CLSPHH của các bộ, ngành, địa phương cho thấy, nhìn chung, đa số các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã nắm được các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, CLSPHH và nhãn hàng hóa trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Nhiều sản phẩm, hàng hóa sản xuất tại Việt Nam có chất lượng tốt, đáp ứng yêu cầu của khách hàng và mở rộng được thị trường trong nước và quốc tế. Hàng hóa chính ngạch nhập khẩu qua kiểm tra đa số đều đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu; một số lô hàng không đáp ứng yêu cầu chất lượng nhập khẩu bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN, qua bảng tổng hợp cho thấy, công tác kiểm tra CLSPHH được tăng cường hàng năm cả về số cơ sở, số lô hàng được kiểm tra; tỷ lệ cơ sở vi phạm bình quân 14,4% trên tổng số cơ sở được kiểm tra. Tình hình vi phạm nhìn chung có xu hướng giảm; tuy nhiên, diễn biến phức tạp, biến động theo thị trường và cung - cầu của từng loại hàng hóa.

## Một số tồn tại

- Cơ quan kiểm tra CLSPHH không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong quá trình thực thi công tác kiểm tra CLSPHH. Chưa có Thông tư hướng dẫn Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; do đó, gặp khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện công tác quản lý, kiểm tra CLSPHH, nhất là đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng biện pháp hậu kiểm.

- Kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ về công tác thanh, kiểm tra CLSPHH còn hạn hẹp so với khối lượng công việc thực tế cần triển khai, thiếu kinh phí mua mẫu, thử nghiệm chất lượng.

- Hoạt động thanh, kiểm tra đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoặc được chỉ định còn hạn chế về nguồn lực (kinh phí, con người).

- Việc cắt giảm số lượng sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chất lượng trước thông quan khi nhập khẩu, chuyển sang

hậu kiểm để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đã được các bộ, ngành triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát trên thị trường (hậu kiểm) gặp khó khăn do hạn chế về kinh phí, tần suất kiểm tra, thì sẽ có rủi ro khi doanh nghiệp cố tình nhập khẩu các hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, gian lận về chất lượng, đưa ra thị trường và điều này sẽ ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe của người người dân và môi trường.

- Tình trạng hàng giả, hàng kém chất lượng không rõ nguồn gốc, xuất xứ vẫn diễn biến phức tạp; một bộ phận cơ sở sản xuất, kinh doanh chạy theo lợi nhuận, bất chấp pháp luật, sản xuất - kinh doanh hàng hóa kém chất lượng, ghi nhãn hàng hóa không đúng quy định pháp luật,... đã tác động xấu đến môi trường kinh doanh, quyền lợi và an toàn của người tiêu dùng.

## Một số giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra CLSPHH

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước về CLSPHH. Sửa đổi, bổ sung Luật Xử lý vi phạm hành chính. Ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Rà soát sửa đổi, bổ sung các thông tư quy định về kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, hàng hóa nhập khẩu... Xây dựng cơ chế kiểm soát chất lượng từ xa đối với hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Việt Nam và các văn bản quy phạm pháp luật



liên quan khác.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, hàng hóa nhập khẩu, sản phẩm trong quá trình sản xuất. Trong đó, chú trọng hoạt động khảo sát thường xuyên, đột xuất của các cơ quan kiểm tra.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra đối với các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký hoặc được chỉ định, xử lý nghiêm các vi phạm.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phối hợp kiểm tra CLSPHH giữa cơ quan kiểm tra CLSPHH với các cơ quan: Thanh tra chuyên ngành, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an,... Thực hiện tốt Quy chế phối hợp kiểm tra CLSPHH ban hành theo Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tăng cường năng lực cho hệ thống cơ quan kiểm tra thuộc Bộ KH&CN. Bổ sung thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính cho cơ quan kiểm tra CLSPHH của ngành KH&CN. Bổ sung và tăng cường nhân lực có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu công tác kiểm tra CLSPHH cho Cục Quản lý CLSPHH, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường

Chất lượng địa phương. Đầu tư các trang thiết bị thử nghiệm nhanh, chính xác cho các cơ quan kiểm tra CLSPHH từ Trung ương đến địa phương. Tăng cường kinh phí cho hoạt động kiểm tra của các cơ quan kiểm tra. Tăng cường về cơ sở hạ tầng thông tin, xây dựng website cảnh báo chất lượng, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý CLSPHH.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra CLSPHH cho hệ thống các cơ quan kiểm tra CLSPHH.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác quản lý CLSPHH về các nội dung: trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác kiểm tra CLSPH; kiểm tra CLSPHH tại nước sản xuất; thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong công tác quản lý CLSPHH của các nước về các nội dung: trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác kiểm tra CLSPHH; tiếp nhận và xử lý các thông báo cảnh báo quốc tế về CLSPHH; kiểm tra CLSPHH tại nước sản xuất; thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp.



## TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HIỆP HỘI HOA ĐÀ LẠT NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

**PHẠM THỊ SONG NGÂN**  
*Hiệp hội Hoa Đà Lạt*

Trong năm 2020, hoạt động của Hiệp hội Hoa Đà Lạt đã đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

### **Công tác tổ chức**

Tính đến thời điểm hiện tại, Hiệp hội Hoa Đà Lạt có 107 thành viên (71 doanh nghiệp, 5 làng hoa, 1 hợp tác xã, 2 trang trại, 28 cá nhân); 3 đơn vị trực thuộc (Câu lạc bộ Nuôi cấy mô, Chi hội Giống Hoa Đà Lạt, Câu lạc bộ hoa Lan Đà Lạt).

Ban Chấp hành Hiệp hội gồm 29 thành viên (1 Chủ tịch, 6 Phó chủ tịch, 1 trưởng ban kiểm tra, 21 Ủy viên Ban Chấp hành thuộc từng lĩnh vực khác nhau) và 2 cố vấn; Văn phòng Hiệp hội luôn có 1 nhân viên duy trì hoạt động thường xuyên.

Trang thiết bị bảo đảm cho các lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các cuộc họp Ban Thường trực, Ban Chấp hành đều tổ chức theo hình thức trực tuyến, hạn chế các hoạt động tụ tập đông người.

### **Các chương trình hoạt động**

#### **Tham gia Festival Hoa Đà Lạt**

Trong thời gian từ ngày 20/12/2019 đến ngày 02/01/2020, Hiệp hội tham gia hoạt động Festival Hoa với 7 tiểu cảnh của 7 doanh nghiệp là thành viên của Hiệp hội với kinh phí 500 triệu đồng hỗ trợ từ Nhà nước. Đặc biệt, trong năm nay, Hiệp hội đã tổ chức thi bình chọn tiểu cảnh đẹp trên app: <https://dalatcity.org> (do UBND thành phố Đà Lạt hỗ trợ) được mọi người tích cực tham gia bình chọn và quảng bá các tiểu cảnh Hoa đến với du khách tham quan.

## **Hoạt động xúc tiến thương mại**

Tháng 02/2020, Hiệp hội phối hợp với Đại sứ quán Hà Lan tổ chức buổi gặp gỡ giữa hội viên và các doanh nghiệp Hà Lan để tìm hiểu thị trường, công nghệ tiên tiến của các doanh nghiệp nước ngoài.

Tháng 6/2020, Hiệp hội phối hợp với Công ty TNHH Sakata Việt Nam giới thiệu các giống hoa cát tường mới cho các hội viên. Buổi giới thiệu có sự tham dự của hơn 100 thành viên.

Tháng 10/2020, Hiệp hội phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Lâm Đồng tổ chức khảo sát, xúc tiến thương mại tại chợ đầu mối lớn, bán sỉ hoa thị trường miền Tây.

Tháng 12/2020, Hiệp hội đã kết hợp với các hội viên như Công ty TNHH Linh Ngọc, Công ty TNHH Quỳnh Phương Đà Lạt, Công ty TNHH Trang trại LangBiang, Công ty TNHH Alpha Farm... tham gia tổ chức triển lãm hoa, lá trang trí tại Triển lãm Quốc tế công nghệ làm vườn và Trang trí cảnh quan Việt Nam năm 2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố Đà Lạt và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ XI, Hiệp hội đã tổ chức triển lãm các loại hoa cát cánh để chào mừng.

## **Các hoạt động hỗ trợ hội viên**

### **Tổ chức hội thảo**

Tháng 12/2020, Hiệp hội đã phối hợp với Công ty Danziger tổ chức hội thảo trực tuyến giới thiệu các giống hoa mới từ Israel để hội viên tìm hiểu và định hướng sản xuất trong thời gian tới.

## **Hỗ trợ hội viên khi gặp khó khăn**

Trong tháng 3/2020, Công ty Cổ phần Cây giống Cao Nguyên bị hỏa hoạn, Hiệp hội đã tổ chức đoàn thăm hỏi nhằm động viên cùng toàn thể nhân viên cố gắng vượt qua khó khăn để tổ chức sản xuất trở lại.

Tháng 11/2020, Hiệp hội vận động hỗ trợ cho các hội viên bị ảnh hưởng của bão số 9 với số tiền 37 triệu đồng.

## **Tham vấn với các sở, ban ngành chức năng của thành phố, tỉnh**

Tháng 4/2020, tham gia buổi họp do UBND thành phố Đà Lạt và UBND tỉnh Lâm Đồng tổ chức, Hiệp hội đã trao đổi những vướng mắc của hội viên và đề xuất một số kiến nghị với các cấp chính quyền để tháo gỡ khó khăn cho hội viên.

Bên cạnh đó, Hiệp hội thường xuyên tiếp thu và tổng hợp các vướng mắc và khó khăn của hội viên. Trên cơ sở đó, tại hội nghị đối thoại với lãnh đạo tỉnh Lâm Đồng hàng năm đề xuất các ý kiến và giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hoa của tỉnh Lâm Đồng.

Đồng thời, trong năm 2020, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật), Hiệp hội thực hiện Dự án nhập khảo nghiệm 8 giống hoa mới được nhập gồm Campanula, Fatsia Japonica, Craspedia, Calla Lily, Scilla Peruviana, Thiên Sứ, Amaryllis, Gloriosa với số lượng 362.700 hạt, cây, củ cho 3 doanh nghiệp gồm Công ty TNHH Dalat Hasfarm, Công ty TNHH Hồng Hoàng và Công ty TNHH Linh Ngọc.

Tham gia chương trình xúc tiến thương mại tại các chợ đầu mối lớn trên cả nước với Sở Công Thương tỉnh.

## **Các hoạt động khác**

Cùng chung tay với các ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng vượt qua đại dịch Covid-19, tháng 4/2020, Hiệp hội đã vận động các hội viên tích cực đóng góp Quỹ chống dịch Covid-19 với tổng giá trị 55 triệu đồng và đã chuyển cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng.

Tháng 10/2020, thông qua Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hiệp hội đã đóng góp ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt với số tiền 50 triệu đồng.

## **Kế hoạch hoạt động năm 2021**

Với tôn chỉ hoạt động của Hiệp hội luôn gắn liền với việc bảo vệ quyền lợi của các thành viên, trong những năm tới, Hiệp hội sẽ tiếp tục thực hiện sứ mệnh của mình, đó là: hỗ trợ cho hội viên nâng cao năng lực về mọi mặt, tiếp cận thêm các nguồn lực, áp dụng các công nghệ, khoa học kỹ thuật mới, tiên tiến nhất; tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo kỹ năng cho hội viên, từ đó nâng cao nhận thức, góp phần giúp ngành hoa Đà Lạt ngày càng phát triển bền vững.

Cụ thể, năm 2021, kế hoạch hoạt động của Hiệp hội như sau:

- Bổ sung hoặc điều chỉnh Điều lệ hoạt động của Hiệp hội Hoa Đà Lạt về các nội dung sau:

+ Điều kiện để được gia nhập làm hội viên của Hiệp hội. Đối với Hội viên là tổ chức/doanh nghiệp, cần đánh giá sơ bộ năng lực, tính pháp lý của tổ chức, doanh nghiệp.

+ Đề xuất các hành vi vi phạm theo điều lệ để khai trừ các hội viên không hoàn thành nghĩa vụ.

- Triển khai chương trình thăm hỏi hội viên định kỳ hàng tháng, hàng quý.

- Thành lập các chi hội tại các làng hoa để tạo kênh trao đổi thông tin giữa Hiệp hội và các làng hoa.

- Đầu tư tích cực vào công tác phát triển hội viên mới, mở rộng phạm vi hoạt động của Hiệp hội đến các vùng, huyện lân cận.

- Phân chia rõ ràng các nhiệm vụ của từng thành viên Ban Chấp hành; nâng cao năng lực, vai trò của Ban Kiểm tra.

- Củng cố, xây dựng, vận hành văn phòng vững mạnh. Trong năm 2021, nhiệm vụ chính là tập trung hoạt động quảng cáo, quảng bá hội viên và các sản phẩm của hội viên; thực hiện tích cực các hoạt động nhằm giới thiệu sản phẩm hoa của hội viên tại Lâm Đồng cho nhiều người biết đến.

- Thúc đẩy hoạt động trao đổi thông tin kinh tế kỹ thuật ngành hoa giữa Hiệp hội và các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Tích cực tổ chức các buổi làm việc với UBND thành phố Đà Lạt để bàn về cơ chế hỗ trợ thúc đẩy phát triển ngành công nghệ sinh học của tỉnh (nuôi cấy mô *in vitro*), chiến lược phát triển Đà Lạt thành trung tâm công nghệ sinh học, gia công nghiên cứu giống.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, hàng năm, nhập các giống hoa mới phục vụ nhu cầu của thị



trường trong nước.

- Thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương để làm cầu nối liên kết xúc tiến giao thương trong nước, thương mại nước ngoài...

- Triển khai các chương trình xúc tiến thương mại nước ngoài, tham quan học hỏi các thị trường lân cận.

- Xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu của hội viên; tổ chức nhiều hội thảo nhằm giải quyết các vấn đề của hội viên.

- Phối hợp với UBND tỉnh, UBND thành phố Đà Lạt và các sở, ngành liên quan tổ chức Festival Hoa định kỳ đạt chất lượng và hiệu quả. Đẩy mạnh hoạt động kết nối giao thương, phát triển ngành hoa trong dịp Festival Hoa.

- Nghiên cứu các phương án khả thi nhằm đảm bảo nguồn tài chính lâu dài cho hoạt động của Hiệp hội.

## Một số hình ảnh giống hoa nhập khẩu mới thuộc

### Dự án "Nhập khẩu, mua giống hoa có bản quyền năm 2020"

được trồng khảo nghiệm tại Công ty TNHH Hồng Hoàng và Công ty TNHH Linh Ngọc



Thiên sứ



Huệ Tây



Lily lửa

## CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI



### HỆ THỐNG PHAO NỔI CHO DỰ ÁN ĐIỆN MẶT TRỜI

Trong các dự án điện mặt trời nổi, hệ thống phao nổi đỡ các tấm pin và hệ thống phụ trợ chiếm tỷ trọng khoảng 40% giá trị thiết bị dự án. Hệ thống phao nổi này trong nước chưa sản xuất được mà phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Trước nhu cầu đó, các nhà khoa học thuộc Viện Nghiên cứu Cơ khí (Bộ Công Thương) đã nghiên cứu, làm chủ công nghệ thiết kế và chế tạo thành công hệ thống phao nổi, neo cho các dự án điện

mặt trời nổi. Hệ thống do Viện thiết kế và chế tạo được neo giữ nhờ hệ thống cáp neo chuyên dụng, đảm bảo thích nghi với mọi điều kiện thời tiết trên lòng hồ...

Hiện tại, hệ thống thiết bị đang được ứng dụng rất hiệu quả tại Dự án Nhà máy điện mặt trời nổi hồ Đa Mi, với tổng diện tích mặt bằng 56,65 ha, tổng công suất thiết kế 47,5 MWp, sản lượng điện khoảng 70 triệu kWh/năm.

Thiết bị là kết quả của đề tài khoa học

*Thông tin chi tiết xin liên hệ: Nguyễn Hà An - Viện Nghiên cứu Cơ khí.  
Số 4 Phạm Văn Đồng, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: 024.37647350/37644444; Email: narime@narime.gov.vn.*



## CÔNG NGHỆ MỚI - SẢN PHẨM MỚI

### LIỀU KẾ CÁ NHÂN ĐIỆN TỬ - VINADOSE-01

và công nghệ cấp bộ “Nghiên cứu, thiết kế chế tạo liều kế cá nhân điện tử” do Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân (Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam) chủ trì thực hiện.

VinaDose-01 có khả năng ghi nhận các bức xạ tia X hoặc gamma với các chức năng cơ bản sau: ghi nhận, tính toán và hiển thị trực tiếp theo thời gian thực trên màn hình LCD các giá trị tương đương liều cá nhân Hp (10) và Hp (0,07); suất liều kèm theo chức năng cảnh báo khi liều tích lũy/suất liều vượt quá ngưỡng cho phép. Ngoài ra, VinaDose-01 còn có các tính năng nổi bật khác như khả năng chịu nước, chỉ thị LED, báo động âm thanh, tuổi thọ pin dài, có khả năng kết nối với giao diện máy tính thông qua giao tiếp hồng ngoại (IrDA) và khả năng quản lý lịch sử liều.

Thiết bị sử dụng 2 đầu dò bán dẫn silicon diode với phin lọc bù trừ năng lượng cho phép xác định chính xác liều trong dải năng lượng 20 keV-3 MeV, phù hợp với



chuẩn IEC-61526 dành cho liều kế cá nhân điện tử. VinaDose-01 được thiết kế đặc biệt cho các ứng dụng trong nhà máy điện hạt nhân, bệnh viện và phòng khám, kiểm tra không phá hủy...

**Thông tin chi tiết xin liên hệ: Nguyễn Đức Tuấn - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân. Số 179 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Điện thoại: 0913698860; Email: ngdttuan108@gmail.com.**

# TIN CẢNH BÁO

## TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



### URUGUAY

**Sản phẩm điều chỉnh:** Ớt thuộc loài *Capsicum annuum* L., ngoại trừ ớt cay (ớt tự nhiên).

**Thông báo số:** G/TBT/N/URY/48, ngày 22 tháng 02 năm 2021.

**Mô tả nội dung:** dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quy định các yêu cầu về nhận dạng và chất lượng phải đáp ứng đối với ớt tự nhiên sau khi sơ chế và đóng gói nhằm đảm bảo đối xử bình đẳng về nhận dạng và phân loại sản phẩm cho mục đích tiếp thị trong khu vực Mercosur - Khối thị trường chung Nam Mỹ (gồm cả hàng nhập khẩu từ bên ngoài vào khu vực Mercosur); do đó, góp phần bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, loại bỏ các rào cản kỹ thuật, ngăn chặn gian lận và các hành vi thương mại không công bằng.

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** đảm bảo thông tin người tiêu dùng, nhãn mác; phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người; yêu cầu chất lượng; sự hài hòa; giảm các rào cản thương mại và tạo thuận lợi cho thương mại.

**Thời hạn lấy ý kiến:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Văn phòng Tư vấn Chính sách Thương mại, Bộ Kinh tế và Tài chính.

Địa chỉ: Paraguay 1401-2° piso.

Điện thoại: (+598) 1712 4319, 1712 4315.

Email: [apc.otc@mef.gub.uy](mailto:apc.otc@mef.gub.uy).





# TIN CẢNH BÁO

## TỪ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN WTO



### SALVADOR

**Sản phẩm điều chỉnh:** Hạt giống cà phê.

**Thông báo số:** G/TBT/N/SLV/213, ngày 24 tháng 02 năm 2021.

**Mô tả nội dung:** Quy chuẩn kỹ thuật Salvador đưa ra các yêu cầu, thủ tục và tiêu chuẩn về thực địa, phòng thí nghiệm để sản xuất, tiếp thị hạt cà phê (*Coffea arabica*) đã được chứng nhận (về chất lượng di truyền, sinh lý, vật lý và kiểm dịch thực vật).

Quy chuẩn này áp dụng cho tất cả các thể nhân và pháp nhân tham gia vào hoạt động sản xuất, chế biến và tiếp thị hạt cà phê được chứng nhận; cho các địa điểm sản xuất hạt giống, phòng thí nghiệm công nghệ sinh học, cơ sở bán hàng, trung tâm thu gom và vận chuyển (xe chở hàng).

**Mục tiêu và lý do, kể cả bản chất của các vấn đề khẩn cấp khi áp dụng:** phòng chống các hành vi lừa đảo và bảo vệ người tiêu dùng; bảo vệ sức khỏe hoặc sự an toàn của con người.

**Thời gian góp ý:** 60 ngày kể từ ngày thông báo.

**Thời hạn dự kiến có hiệu lực:** được xác định.

**Cơ quan chịu trách nhiệm:** Cơ quan Quy định Kỹ thuật Salvadoran hoặc Cục Quản lý các Hiệp định Thương mại - Bộ Kinh tế.

Địa chỉ: Alameda Juan Pablo II y Calle Guadalupe, Plan Maestro, San Salvador, El Salvador.

Điện thoại: (+503) 2590 5788.

Email: [datco@minec.gob.sv](mailto:datco@minec.gob.sv).

Website: <http://www.minec.gob.sv>.





## HIỆP ĐỊNH RCEP VÀ CƠ HỘI CHO VIỆT NAM

ThS. TRẦN THỊ ANH

Trong bối cảnh kinh tế thế giới và khu vực đang bị ảnh hưởng bởi những trở lực nhất định của bảo hộ mậu dịch, việc ký kết Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP) với mục tiêu tự do hóa thương mại đầu tư và tăng cường hợp tác kinh tế giữa các nền kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam, sẽ góp phần tạo lập cấu trúc thương mại mới trong khu vực, thúc đẩy toàn cầu hóa theo hướng tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại.

### Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP)

Hiệp định RCEP được khởi động vào năm 2012 theo sáng kiến của ASEAN nhằm khuyến khích thương mại giữa 10 quốc gia thành viên ASEAN và 5 nước

đối tác là Australia, Trung Quốc, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc. Ngày 15/11/2020, Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) đã chính thức được ký kết. Sự kiện này mang nhiều ý nghĩa tích cực, sẽ tạo ra một khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới, đồng thời gửi đến toàn thế giới thông điệp tích cực về sự ủng hộ hệ thống thương mại đa phương. Đặc biệt, việc ký kết và thực thi Hiệp định RCEP được kỳ vọng sẽ góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ quá trình phục hồi nền kinh tế khu vực sau đại dịch Covid-19.

Mục tiêu của Hiệp định RCEP là sẽ tạo ra khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới. Các nội dung đàm phán của Hiệp định RCEP gồm: thương mại hàng hóa; thương mại dịch vụ; đầu tư; hợp tác kinh tế - kỹ thuật; sở hữu trí tuệ; giải quyết tranh

chấp; thương mại điện tử; doanh nghiệp vừa và nhỏ và một số vấn đề khác.

Những điểm thuận lợi trong Hiệp định RCEP có thể kể đến như: một số chương dành riêng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thương mại điện tử và giải quyết tranh chấp khi đưa ra các quy trình rộng rãi cho hợp tác kinh tế và kỹ thuật giữa các nước vì sự thịnh vượng chung. RCEP có tiềm năng đóng vai trò là hiệp định thiết lập tiêu chuẩn thương mại khu vực, khi các quy tắc mà hiệp định giải quyết có thể sẽ trở thành ngưỡng chuẩn và tiền lệ pháp lý cho các thỏa thuận thương mại trong tương lai ở châu Á và hơn thế nữa. Ngoài ra, RCEP có thể tạo điều kiện cho các quốc gia có nền kinh tế nhỏ hơn so với nền kinh tế của các quốc gia khác trong khu vực ASEAN tăng cường hơn nữa vào FTA và giảm khoảng cách phát triển giữa các thành viên ASEAN.

Hiệp định RCEP được ký kết và đi vào thực thi sẽ là FTA lớn nhất thế giới khi bao trùm một thị trường khổng lồ với 15 quốc gia, chiếm đến 32% tổng GDP toàn cầu, khoảng 32.000 tỷ USD, tăng trưởng GDP của 15 nước thành viên RCEP ước tính sẽ đạt 137 tỷ USD. Theo các chuyên gia, với các cam kết về mở cửa thị trường trong lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, đơn giản hóa thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ tạo thuận lợi cho thương mại, giảm thiểu các rào cản thương mại, Hiệp định RCEP dự kiến sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các chuỗi giá trị trong khu vực và toàn cầu, giúp thúc đẩy hơn nữa phát triển kinh tế của các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam và các nước đối tác.

## Cơ hội cho Việt Nam

Hiệp định RCEP được xác định là nội dung ưu tiên trong chiến lược hội nhập của Việt Nam. Hiện, Việt Nam đã có một số ký kết riêng trong từng nước là thành viên của Hiệp định RCEP như: Hiệp định thương mại tự do với Nhật Bản, Hàn Quốc... Sau khi Hiệp định RCEP được ký kết và đi vào thực thi, Việt Nam sẽ trở thành một trong những nước đứng đầu thế giới về tham gia vào hội nhập sâu, rộng vào cả 3 hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP).

Tham gia Hiệp định RCEP, giao thương của Việt Nam với các đối tác trong hiệp định RCEP sẽ ngày càng rộng mở. Nhiều cơ hội mới dự kiến sẽ mở ra cho các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ tiếp cận thuận lợi hơn nguồn nguyên liệu, phục vụ chuỗi sản xuất các mặt hàng có thể mạnh xuất khẩu. Ví dụ, Việt Nam có thể nhập khẩu chip điện tử từ Nhật Bản, Hàn Quốc; nhập nguyên liệu dệt may từ Trung Quốc để sản xuất trong nước và xuất khẩu đi nước khác, đồng thời thỏa mãn quy tắc xuất xứ nội khối để tận dụng được ưu đãi thuế quan.

Theo các chuyên gia, RCEP là khu vực tạo điều kiện lớn nhất cho Việt Nam tận dụng các ưu đãi thuế quan nội khối, do đó doanh nghiệp Việt Nam có thể kỳ vọng

Hiệp định sẽ giúp ưu đãi thuế quan được cải thiện hơn nữa, quy tắc xuất xứ nội khối được hài hòa, dễ đáp ứng hơn. Các quy trình về hải quan sẽ được thống nhất, tạo thuận lợi thương mại. Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam cũng kỳ vọng một số thị trường dịch vụ sẽ mở rộng hơn, đặc biệt là dịch vụ logistics, viễn thông...; nền tảng thương mại điện tử tốt hơn, môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng minh bạch, cạnh tranh hơn...

RCEP cũng mang lại cho Việt Nam một thị trường có mức sống, kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ với nhu cầu tiêu dùng rất lớn mà đòi hỏi không quá cao về chất lượng sản phẩm như khi tham gia vào CPTPP hay EVFTA... Hiện, các thị trường trong khối RCEP đang bao trùm gần như toàn bộ chuỗi sản xuất của nhiều loại hàng Việt Nam có thể mạnh như: sản phẩm điện tử, dệt may, giày dép, thực phẩm chế biến... Đây là cơ hội để Việt Nam mở rộng hơn nữa thị trường, thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm của doanh nghiệp đến thị trường các nước thành viên RCEP.

Cùng với việc mở ra một thị trường tiêu dùng rộng lớn, Hiệp định RCEP sẽ giúp Việt Nam giảm chi phí giao dịch, tạo dựng môi trường kinh doanh thân thiện hơn nhờ hài hòa hóa các quy định hiện hành, áp dụng các quy định trong khuôn khổ các FTA khác nhau của ASEAN. Đồng thời, góp phần tăng cường hợp tác kỹ thuật và vị thế của Việt Nam trong giải quyết tranh chấp về thương mại và đầu tư.

Tham gia Hiệp định RCEP là phù hợp với chủ trương của Việt Nam về tăng cường hội nhập kinh tế sâu, rộng hơn,

gắn liền với những cải cách trong nước mạnh mẽ và toàn diện hơn. RCEP được kỳ vọng sẽ mang lại những cơ hội mới cho Việt Nam để tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị và sản xuất của khu vực.

Tham gia RCEP đi kèm với cơ hội là những thách thức mà Việt Nam cần chuẩn bị để vượt qua. Cụ thể, Việt Nam có lợi thế cạnh tranh đối với một số sản phẩm nông - thủy sản và công nghiệp; tuy nhiên, chủ yếu là sản phẩm thô hoặc có hàm lượng chế biến thấp, chất lượng chưa cao. Bên cạnh đó, cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam khá tương đồng với một số đối tác lớn tham gia RCEP sẽ là một bất lợi. Việc xuất khẩu sang các nước đối tác cũng ngày một khó khăn hơn, khi các nước đặt những tiêu chuẩn chất lượng cao hơn. Ngoài ra, Trung Quốc sẽ cạnh tranh với Việt Nam trong cung cấp hàng dệt, thực phẩm chế biến và thức ăn gia súc sang Hàn Quốc, gạo và hàng may mặc sang Nhật Bản.

Thách thức nữa của Việt Nam là cơ hội thúc đẩy xuất khẩu dịch vụ chuyên nghiệp sang các nước RCEP khá hạn chế, do chênh lệch về nguồn nhân lực giữa Việt Nam với các nước trong Hiệp định RCEP; dịch vụ ngân hàng sẽ phải đối mặt với cạnh tranh khốc liệt từ các nước RCEP, điểm yếu chính của dịch vụ tài chính Việt Nam là chất lượng dịch vụ, thương hiệu và uy tín, kinh nghiệm và trình độ quản lý, áp dụng công nghệ tại các tổ chức tài chính đều còn hạn chế.

Ngoài ra, việc tận dụng chứng nhận xuất xứ (C/O) trong hoạt động xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp Việt Nam



chưa mang lại hiệu quả như mong đợi. Lo ngại từ nguy cơ xáo trộn, chuyển hướng thương mại, đặc biệt ở các thị trường mà các đối tác chưa có FTA cũng đặt ra cho Việt Nam.

## **Giải pháp cho doanh nghiệp Việt Nam tận dụng những lợi ích khi Hiệp định RCEP được ký kết**

Tham gia vào RCEP, Việt Nam đã tham gia vào sân chơi thương mại toàn cầu luôn đan xen cả cơ hội và thách thức, chỉ những doanh nghiệp với sự chuẩn bị tốt mới có cơ hội thành công. Để có thể tận dụng những lợi ích mà RCEP mang lại, các doanh nghiệp Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp như:

*Một là*, sự phối hợp hiệu quả giữa Nhà nước và doanh nghiệp là điều kiện then chốt để tận dụng tối đa những lợi ích của RCEP phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong thời gian tới.

*Hai là*, các doanh nghiệp cần tập trung tăng cường năng lực cạnh tranh, khắc

phục những điểm yếu về tính không chuyên nghiệp, không đồng đều về mặt chất lượng, quy trình sản xuất... Trong đó, tập trung đầu tư vào công nghệ, phát triển các sản phẩm chiến lược phù hợp; đồng thời, tận dụng hợp tác phát triển với các nước thành viên trong RCEP.

*Ba là*, chú trọng tận dụng hiệu quả những lợi ích của Chứng nhận xuất xứ (C/O) trong xuất khẩu hàng hóa, đặc biệt là xuất sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, New Zealand, Trung Quốc.

*Bốn là*, cần tìm hiểu thông tin về những lợi ích và thách thức doanh nghiệp có thể gặp phải khi tham gia vào Hiệp định. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ chủ động hơn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh, tạo ra được các sản phẩm có chất lượng cao với chi phí hợp lý để có thể cạnh tranh với các mặt hàng tương đồng của các nước trong RCEP.



## MIỄN, GIẢM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 11/01/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2021/TT-BTC hướng dẫn về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Theo đó, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

- Doanh thu được tạo ra từ dịch vụ có ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin là doanh thu từ dịch vụ mới, không gồm các dịch vụ đã có trên thị trường.

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ trong kỳ để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không hạch toán riêng được

thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện phân bổ theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

Để được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật và nộp thuế theo kê khai.

## **Ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Thông tư, mức và thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ: được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

- Thời gian miễn, giảm thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ được tính liên tục kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ thì năm đầu tiên tính thời gian miễn, giảm thuế được tính từ năm thứ 4.

- Trong thời gian đang được ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp,

nếu năm nào doanh nghiệp khoa học và công nghệ không đáp ứng điều kiện về doanh thu của các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu năm của doanh nghiệp thì năm đó doanh nghiệp khoa học và công nghệ không được hưởng ưu đãi và được tính trừ vào thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Trường hợp doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã có thu nhập chịu thuế nhưng thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn, giảm thuế của năm đầu tiên dưới 12 tháng thì doanh nghiệp khoa học và công nghệ được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế ngay trong năm đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn, giảm thuế vào năm tiếp theo. Nếu doanh nghiệp đăng ký để miễn, giảm thuế vào năm tiếp theo thì phải xác định số thuế phải nộp của năm đầu tiên đã có thu nhập chịu thuế để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Doanh nghiệp khoa học và công nghệ tự xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi và kê khai vào Bảng kê ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ kèm theo Thông tư này. Bảng kê ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp được gửi kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/3/2021.





## KẾT QUẢ KIỂM TRA VỀ TIÊU CHUẨN, ĐO LƯỜNG, CHẤT LƯỢNG NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI NĂM 2021

**NGUYỄN TÚ UYÊN**

*Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng*

Thực hiện Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được thanh, kiểm tra thường xuyên trong năm 2020, trong đó Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Chi cục) được giao kiểm tra 154 doanh nghiệp. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp nên Chi cục đã tiết giảm kiểm tra 25 doanh nghiệp; chỉ thực hiện kiểm tra 129 doanh nghiệp kinh doanh

xăng - dầu, thiết bị điện - điện tử, đồ chơi trẻ em, vàng trang sức mỹ nghệ, hàng đóng gói sẵn, dầu nhờn, khí dầu mỏ hóa lỏng, taximet, sử dụng phương tiện đo nhóm 2, chuẩn đo lường, đơn vị chỉ định kiểm định.

Qua kết quả thanh, kiểm tra cho thấy, các doanh nghiệp cơ bản đã nắm rõ các quy định, lưu giữ đầy đủ các hồ sơ pháp lý, thực hiện đúng các quy định về ghi nhãn hàng hóa, chất lượng, mã số, mã vạch. Về chất lượng, Chi cục đã lấy



12 mẫu (dầu nhờn, vàng trang sức mỹ nghệ, xăng, dầu) để đánh giá chất lượng, kết quả các mẫu đều đạt chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố. Tuy nhiên, vẫn phát hiện một số vi phạm:

- Có 4 doanh nghiệp vi phạm về đo lường gồm: sử dụng phương tiện đo nhóm 2 đã hết hiệu lực kiểm định; tự ý tháo dỡ niêm phong kẹp chì tại bộ phận CPU để sửa chữa, nhưng không thông báo với cơ quan quản lý nhà nước về đo lường tại địa phương và đơn vị kiểm định; không thực hiện kiểm định lại cột đo xăng dầu đã sửa chữa trước khi đưa vào sử dụng, không đảm bảo điều kiện để người có quyền và nghĩa vụ liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện phép đo, phương tiện đo... Chi cục đã xử phạt 4 đơn vị vi phạm với tổng số tiền 39.500.000 đồng và buộc nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp là 27.660 đồng.

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19, doanh nghiệp mới kinh doanh trở lại sau thời gian giãn cách xã hội, một số doanh nghiệp thực hiện chưa đúng quy định về nhãn hàng hóa, lưu giữ hồ sơ chất lượng, chưa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng... Chi cục đã nhắc nhở, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định.

Thông qua công tác thanh, kiểm tra giúp tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý của Chi cục; nâng cao

nhận thức của các cơ sở kinh doanh trong việc chấp hành nghiêm các quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tạo công bằng trong mua bán, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng, người kinh doanh chân chính.

Trong năm 2021, Chi cục sẽ tiếp tục kiểm tra 108 doanh nghiệp theo Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt danh sách các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng được thanh, kiểm tra thường xuyên trong năm 2021.

Đồng thời, Chi cục sẽ tổ chức khảo sát, lấy mẫu các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý (xăng - dầu, dầu nhờn, vàng trang sức mỹ nghệ, hàng đóng gói sẵn...) để đánh giá về đo lường, chất lượng; nếu phát hiện mẫu không đạt, Chi cục sẽ tổ chức kiểm tra đột xuất để xử lý kịp thời các sai phạm, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Các doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng cần kiểm định định kỳ các phương tiện đo nhóm 2; bán hàng hóa đúng chất lượng theo tiêu chuẩn công bố, quy chuẩn kỹ thuật; ghi nhãn hàng hóa đúng theo quy định về nhãn hàng hóa; lưu giữ đầy đủ các hồ sơ pháp lý, hồ sơ chất lượng, hồ sơ tự kiểm tra các phương tiện đo định kỳ; các doanh nghiệp có sử dụng mã số, mã vạch trên sản phẩm phải đóng phí duy trì định kỳ hàng năm, đảm bảo lượng của hàng đóng gói sẵn như công bố trên nhãn...